

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Năm báo cáo: Năm 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 28/01/2008, đang ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/07/2012

- Vốn điều lệ: 107.922.750.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 107.922.750.000 đồng (tại ngày 31/12/2015)

- Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: (84.056) 3893888/3893239

- Fax: (84.056) 3893888

- Website: www.quynhonnewport.vn

- Mã cổ phiếu: QSP

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập Công ty vào ngày 27/01/2008. Các cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty CP Cảng Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải và Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định;

Công ty Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT theo Quyết định số 05/QĐ-TCQN ngày 11/02/2009;

Đến tháng 10/2013, cầu cảng container 30.000DWT đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng;

Hiện nay, Công ty hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để khai thác Cầu cảng container và tiếp tục cho thuê phần diện tích bãi đã san lấp. Đồng thời Công ty đang triển khai tiếp tục đầu tư theo kế hoạch năm 2014-2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm:

- Bốc xếp hàng hoá;

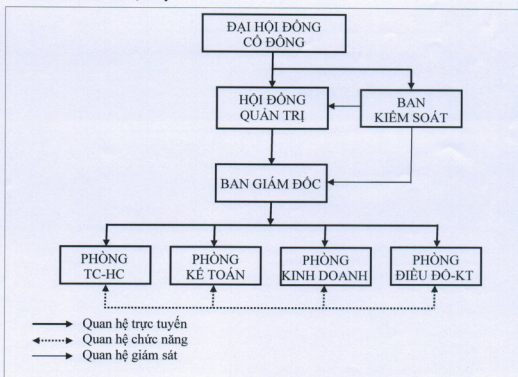
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

➤ Địa bàn kinh doanh: thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban Công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy:



4. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập để huy động và sử dụng một cách hiệu quả nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh khai thác cảng biển, các dịch vụ hàng hải và những lĩnh vực liên quan khác, nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng cao trong tỉnh Bình Định nói riêng và các vùng, miền, khu vực lân cận nói chung. Qua đó hướng đến mục tiêu lợi nhuận

tối đa cho các nhà đầu tư, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Phát huy các nguồn lực hiện có, Công ty đã hợp tác kinh doanh khai thác cầu cảng với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và tiếp tục cho thuê phần diện tích bãi đã san lấp. Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư theo kế hoạch năm 2014-2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

+ Về dài hạn, đầu tư trang thiết bị hiện đại, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao hệ thống quản lý tác nghiệp. Xây dựng phát triển thành cầu cảng chuyên dụng, phục vụ làm hàng cho tàu hàng container loại lớn, hướng đến mục tiêu trở thành Cảng xếp dỡ container chuyên nghiệp, điểm trung chuyển hàng hóa container nội địa và quốc tế lớn trong khu vực Nam Trung Bộ. Mở rộng quy mô ngoài khai thác Cảng bằng việc phát triển các dịch vụ bổ trợ, nhằm tăng tính kết nối và nâng cao lượng hàng hóa thông qua Cảng như: Dịch vụ Giao nhận hàng hóa (Forwarding), Dịch vụ vận tải, Dịch vụ xuất nhập khẩu, Dịch vụ hàng hải, không chỉ phục vụ cho Công ty mà còn cho các Cảng biển trong khu vực, xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn ngày càng vững mạnh.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Bên cạnh các hoạt động đầu tư và kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty tích cực đóng góp các hoạt động xã hội và quan tâm đến lợi ích của người lao động trong Công ty.

5. Các rủi ro:

- Lãi suất ngân hàng còn cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp khai thác cảng biển trên địa bàn tỉnh.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2015:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu	37.550.000.000	34.811.021.401	92,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	22.497.000.000	20.641.513.218	91,75
3	Thuế TNDN	1.125.000.000	1.044.240.661	92,82
4	Lợi nhuận sau thuế	21.372.000.000	19.597.272.557	91,70

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Thành

Số CMND: 211707629

Chức vụ: Giám đốc

Ngày cấp: 01/02/2012 Nơi cấp: CA Bình Định

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thiện Thuật - TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Ngày bổ nhiệm: 01/06/2012

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 10.000 cổ phần; Tỷ lệ 0,09%

- Ông Mai Quang Cường Chức vụ: Kế toán trưởng

Số CMND: 211722832 Ngày cấp: 15/10/2012 Nơi cấp: CA Bình Định

Địa chỉ: Số 34 Nguyễn Tư - TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Ngày bổ nhiệm: 01/06/2012

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 10 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về lao động, lương, bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2015, Công ty tập trung chủ yếu công tác chuẩn bị đầu tư các hạng mục: San lấp tạo bãi, kè bảo vệ, đường và bãi sau cầu; Đường khai thác kết nối với đường ngoài cảng; Đầu tư thiết bị cần trục trên bến.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	194.467.980.602	190.155.701.403	99,8
Doanh thu thuần	35.055.404.037	34.811.021.401	99,3
Lợi nhuận từ hoạt động KD	20.838.003.346	20.641.513.218	99,1
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	20.838.003.346	20.641.513.218	99,1
Lợi nhuận sau thuế	19.792.253.179	19.597.272.557	99,0
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15,22%	Chưa thông qua ĐHDCĐ	

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2014 & 2015 đã kiểm toán)

b. Các chỉ tiêu khác:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,39	1,67
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	2,39	1,67

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,33	0,3
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
GV hàng bán/hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LN sau thuế/DT thuần	0,56	0,56
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,15
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,10	0,10
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	0,59	0,59

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2014 & 2015 đã kiểm toán, phân tích)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Loại Cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần: 10.792.275 Cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.792.275 Cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Tình hình cơ cấu Cổ đông của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được tổng hợp theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2015 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Số lượng Cổ đông	881		
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	1		
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn		1.800.000	16,68
3. Cổ đông tổ chức	7	2.792.633	25,88
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn		1.800.000	16,68
- Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định		400.000	3,70
- Công ty TNHH Đại Phước		360.000	3,34
- Tổ chức khác	4	232.633	2,16
4. Cổ đông cá nhân	874	7.999.642	74,12
5. Cổ đông trong nước	881	10.792.275	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015, Công ty đã triển khai thực hiện các hạng mục kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra, hoàn thành chỉ tiêu về mức chi trả cổ tức, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Các hạng mục kinh doanh trong năm 2015 bao gồm: Hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong việc khai thác cầu cảng 50.000DWT; Khai thác hơn 4ha bãi đã san lấp thông qua việc cho thuê chứa hàng dăm gỗ.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tài sản cố định của Công ty chỉ bao gồm nhà của, vật kiến trúc. Chi tiết phát sinh trong năm như sau: ĐVT: đồng

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	182.788.454.067	9.550.112.600	173.238.341.467
Mua trong năm	43.090.909		
Khấu hao trong năm		5.138.880.024	
Số cuối năm	182.831.544.976	14.688.992.624	168.142.552.352

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán)

b) Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
1	Vay ngắn hạn (nợ dài hạn đến hạn trả)	6.800.000.000	10.400.000.000
2	Vay dài hạn	55.190.462.397	44.790.462.397
3	Phải trả dài hạn khác	300.000.000	300.000.000
4	Phải trả người bán	14.177.691	128.067.257
5	Thuế các khoản phải nộp Nhà nước	1.442.403.130	826.826.950
6	Phải trả người lao động	140.599.192	168.399.777
7	Chi phí phải trả	72.000.000	82.800.000
8	Phải trả ngắn hạn khác	25.464.173	138.131.859
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	357.255.205	200.850.266
	Tổng cộng	64.642.361.788	57.035.538.506

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2014 & 2015 đã được kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty tiếp tục hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để khai thác hiệu quả cầu cảng đã hoàn thành và cho thuê phần bãi đã san lấp, đồng thời triển khai thực hiện đầu tư phần còn lại của dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Chăm lo đầy đủ các chế độ đối với người lao động Công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đóng góp tích cực đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, nhưng được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, sự giám sát chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc Công ty thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm cũng như các Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chỉ đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tiếp tục chỉ đạo triển khai đầu tư dự án và khai thác dự án một cách hiệu quả nhất.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

➤ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, hoạt động độc lập và không điều hành. Cụ thể:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch	1,048%	Miễn nhiệm từ 06/04/2015
2	Ông Bùi Văn Cấp	Chủ tịch		Bổ nhiệm từ 06/04/2015 đến 16/04/2015
3	Ông Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	0,547%	Bổ nhiệm từ 16/04/2015
4	Ông Lê Duy Linh	Thành Viên	3,706%	Đại diện cổ phần Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định
5	Ông Bùi Văn Cấp	Thành Viên	0,185%	

➤ Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2015 Hội đồng quản trị tổ chức nhiều cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết, qua đó Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều nội dung trong việc điều hành hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Ngày 04/02/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; Thống nhất các nội dung liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư các hạng mục: Đường khai thác, Trụ sở làm việc, San lấp tạo bãi sau cầu cảng (đợt 2), Thiết bị cần trục trên bến; Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015; Thống nhất nội dung hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác cầu cảng.

- Ngày 14/03/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và nhận cổ tức năm 2014.

- Ngày 28/03/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất đơn giá cho thuê bãi áp dụng tại Công ty.

- Ngày 28/03/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Thống nhất trình Đại hội

đồng cổ đông yêu cầu của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị.

- Ngày 06/04/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và trình Đại hội cổ đông miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hữu Phúc; Bầu ông Bùi Văn Cấp là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; Điều chỉnh một số nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

- Ngày 16/04/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất bầu ông Nguyễn Quý Hà giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Ngày 20/04/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung liên quan đến việc chỉ trả cổ tức năm 2015.

- Ngày 01/06/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung: Giao Ban điều hành phúc đáp Công văn về việc đề nghị đổi tên Công ty của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hướng giải quyết đề Hội đồng quản trị xem xét quyết định; Đơn giá cho thuê bãi đối với Công ty TNHH sản xuất dăm gỗ Bình Định và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thương thảo và ký kết hợp đồng điều chỉnh, bổ sung với Công ty TNHH sản xuất dăm gỗ Bình Định; Nội dung phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác cầu cảng; Giao Ban điều hành triển khai thực hiện sau khi đạt được sự thỏa thuận với các đơn vị có liên quan; Tạm dừng đầu tư hạng mục san lấp tạo bãi sâu cầu (đợt 2); Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Đầu tư thiết bị cần trục trên bến; Đầu tư hệ thống cấp nước cho tàu vào làm hàng tại cầu cảng Công ty.

- Ngày 30/06/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất giao Ban điều hành Công ty thương thảo giá cho thuê bãi với Công ty TNHH sản xuất dăm gỗ Bình Định.

- Ngày 22/08/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất giao Ban điều hành tiếp tục theo dõi việc đề nghị đổi tên Công ty của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn và báo cáo đề Hội đồng quản trị xem xét quyết định; Điều chỉnh hợp đồng cho thuê bãi đối với Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định; Triển khai đầu tư hạng mục san lấp tạo bãi, kè bảo vệ, đường và bãi sau cầu theo thiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt; Triển khai đầu tư Thiết bị cần trục trên bến theo phương án đầu tư và hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt; Hạng mục đường kết nối đường Phan Chu Trinh sẽ triển khai thực hiện sau khi đạt được sự thỏa thuận với các đơn vị liên quan; Các hạng mục hệ thống điện, xe nâng, xe đầu kéo, nhà làm việc tạm thời chưa triển khai.

- Ngày 03/09/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất tạm dừng công tác chuẩn bị đầu tư gói thầu mua sắm thiết bị cần trục, điều chỉnh hình thức đấu thầu của gói thầu San lấp tạo bãi, kè bảo vệ, đường và bãi sau cầu cảng (Đợt 2).

- Ngày 21/09/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung: Thiết bị cần trục đầu tư là loại cần trục điều khiển bằng điện biến tần, nâng cần bằng cáp của nhà sản xuất Macgregor, trọng tải dưới mốc 45 tấn; Đầu tư một máy bơm phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy; Phôi hợp với Công ty CP Cảng Quy Nhơn đầu tư hệ thống cấp nước cho tàu vào làm hàng.

- Ngày 05/10/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung: Giao Ban điều hành thương lượng với Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn về việc đổi tên Công ty và làm thủ tục theo quy định; Chọn đơn vị tư vấn thực hiện công tác tư vấn đầu thầu gói thầu san lấp tạo bãi (đợt 2); Tiếp tục triển khai đầu tư mua sắm thiết bị cần trục trên bến; Giá máy bơm PCCC; Giao Ban điều hành phúc đáp văn bản với Cty CP Cảng Quy Nhơn theo tinh thần hợp đồng hợp tác giữa 02 bên, công tác đầu tư sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Lưu ký chứng khoán công ty tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

- Ngày 05/11/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung: Hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây lắp hạng mục San lấp tạo bãi sau (đợt 2); Thời gian đăng ký chứng khoán tập trung là trong quý IV/2015 và mã chứng khoán là QSP.

- Ngày 24/11/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất các nội dung: Thuê Luật sư tư vấn pháp lý để tham gia giải quyết vụ việc khiếu nại của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Giao Thư ký HĐQT soạn thảo văn bản trả lời Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc đề nghị tham gia HĐQT Công ty; Giao Ban điều hành làm việc với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để được sử dụng đường nội bộ phục vụ thi công gói thầu san lấp tạo bãi (đợt 2); Thông qua phương án đầu tư thiết bị cần trục trên bến điều chỉnh.

- Ngày 10/12/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất điều chỉnh phương án đầu tư, thời gian thực hiện, hình thức lựa chọn nhà thầu cung cấp và phương thức đấu thầu đầu tư thiết bị cần trục trên bến.

- Ngày 17/12/2015 Hội đồng quản trị Thống nhất phê duyệt nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền lợi trong việc tranh chấp tên thương mại và cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp.

2. Ban kiểm soát:

➤ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	0
2	Ông Phạm Minh Quốc	Thành Viên	0
3	Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành Viên	0,009%

➤ Các hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty tham gia và đóng góp ý kiến tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Nguồn Báo cáo tài chính năm 2015)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Chức vụ	Tổng
I	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Hữu phúc	Chủ tịch	9.900.000
2	Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	20.700.000
3	Lê Duy Linh	Thành viên	16.800.000
4	Bùi Văn Cấp	Thành viên	16.800.000
II	Ban Giám đốc		
1	Phạm Văn Thành	Giám đốc	421.501.000
III	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Kim Toàn	Trưởng Ban	10.800.000
2	Phạm Minh Quốc	Thành viên	5.400.000
3	Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	5.400.000

b) Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ:

Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

VI. Báo cáo tài chính:

1) Ý kiến kiểm toán: (Trích từ Báo cáo kiểm toán độc lập)

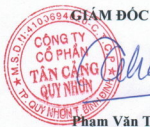
“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được Công ty Kiểm toán và giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam kiểm toán theo quy định của pháp luật (đính kèm báo cáo này).

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Website Công ty;
- Lưu TC-HC.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	11 - 21

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty hai (02) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ hai gần đây nhất số 4100694020 ngày 04 tháng 7 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng Công trình cầu cảng Container 30.000 DWT - Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty hai (02) lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp bổ sung Giấy chứng nhận đầu tư, thay đổi lần thứ hai gần đây nhất ngày 05 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	107.922.750.000	VND
Số cổ phần phổ thông	10.792.275	cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000	VND/cổ phần

Cơ cấu tỷ lệ cổ phần của cổ đông sáng lập trong Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần (phổ thông)	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Mỹ Tài - Bình Định	400.000	4.000.000.000	3,71
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68
Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	360.000	3.600.000.000	3,34
Cổ đông khác	8.232.275	82.322.750.000	76,27
Cộng	10.792.275	107.922.750.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
 Điện thoại : (84 - 56) 3 893 239
 Fax : (84 - 56) 3 893 888
 Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

Hoạt động chính của Công ty:

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tổng doanh thu năm nay tăng hơn năm trước nhờ do khối lượng hoạt động khai thác cầu cảng tăng hơn, tuy nhiên doanh thu thuần lại giảm hơn năm trước do năm nay phát sinh khoản chiết khấu thương mại của hoạt động khai thác cầu cảng. Lợi nhuận trước thuế có giảm nhẹ so với năm trước do chi phí quản lý tăng hơn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 21).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận của năm 2014 theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 như sau:

Nội dung	Số tiền
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	2.968.837.977
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	395.845.064
Chia cổ tức trong năm	16.427.570.138
Cộng	19.792.253.179

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	16 tháng 4 năm 2015	
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2012	16 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Văn Cấ	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Lê Duy Linh	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Phạm Minh Quốc	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	28 tháng 5 năm 2012	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	28 tháng 5 năm 2012	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tôi, Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đại diện Công ty, 



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

Bình Định, Việt Nam
Ngày 07 tháng 3 năm 2016



Số: 776/2016/BCKT/GS-Audit

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 05 tháng 02 năm 2016, từ trang 07 đến trang 21 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit),



Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1057-2013-169-1

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Hà Nghĩa - Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2645-2013-169-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.392.835.119	21.194.337.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.130.344.161	19.646.707.263
1. Tiền	111		430.344.161	7.306.707.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.700.000.000	12.340.000.000
II. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.900.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.361.990.854	1.547.568.928
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.081.533.632	852.861.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	69.990.000	414.038.202
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	210.467.222	280.668.926
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		500.104	61.700
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		500.104	61.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.762.866.284	173.273.642.711
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		168.142.552.352	173.238.341.467
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	168.142.552.352	173.238.341.467
Nguyên giá	222		182.831.544.976	182.788.454.067
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.688.992.624)	(9.550.112.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		492.277.391	32.562.727
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	492.277.391	32.562.727
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		128.036.541	2.738.517
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	128.036.541	2.738.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.155.701.403	194.467.980.602

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.256.225.234	64.342.361.788
I. Nợ ngắn hạn	310		12.165.762.837	8.851.899.391
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	128.067.257	14.177.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	220.686.728	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	826.826.950	1.442.403.130
4. Phải trả người lao động	314	V.12	168.399.777	140.599.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	82.800.000	72.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	138.131.859	25.464.173
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	10.400.000.000	6.800.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	200.850.266	357.255.205
II. Nợ dài hạn	330		45.090.462.397	55.490.462.397
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	44.790.462.397	55.190.462.397
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.899.476.169	130.125.618.814
I. Vốn chủ sở hữu	410		132.899.476.169	130.125.618.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	107.922.750.000	107.922.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			107.922.750.000	107.922.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	5.379.453.612	2.410.615.635
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421	V.19	19.597.272.557	19.792.253.179
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.597.272.557	19.792.253.179
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		190.155.701.403	194.467.980.602

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2016


MAI QUANG CƯỜNG
 Người lập biểu


MAI QUANG CƯỜNG
 Kế toán trưởng

PHẠM VĂN THÀNH
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuật số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.01	41.819.842.559	35.055.040.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.725.847.089	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.01	34.093.995.470	35.055.040.037
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.02	5.730.734.643	5.559.706.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	28.363.260.827	29.495.333.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.03	717.025.931	379.967.584
7. Chi phí tài chính	22 VI.04	6.114.543.594	7.138.279.746
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.114.543.594	7.138.279.746
8. Chi phí bán hàng	25	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.05	2.324.229.946	1.899.017.590
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	20.641.513.218	20.838.003.346
11. Thu nhập khác	31	-	-
12. Chi phí khác	32	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20.641.513.218	20.838.003.346
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 V.11	1.044.240.661	1.045.750.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	19.597.272.557	19.792.253.179
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.06	1.816	1.834

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2016



MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

CHI TIẾT	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
Đơn vị tính: VND			
I. Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.641.513.218	20.838.003.346
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02 V.06	5.138.880.024	5.132.612.682
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.03	(701.187.554)	(359.004.525)
- Chi phí lãi vay	06 VI.04	6.114.543.594	7.138.279.746
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.193.749.282	32.749.891.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	345.856.531	2.537.952.571
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	52.786.127	221.522.418
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(125.298.024)	38.064.497
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.114.543.594)	(7.140.673.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.11	(1.339.426.089)	(270.344.640)
- Tiền chi khác cho HĐ kinh doanh	17	(552.250.003)	(247.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ KD	20	23.460.874.230	27.889.152.932
II. Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(502.805.573)	(7.209.018.397)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.900.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		540.470.693	335.705.553
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ ĐT	30	(10.862.334.880)	(4.873.312.844)
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.524.307.321
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.15	(6.800.000.000)	(3.400.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.314.902.452)	(6.379.731.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ TC	40	(23.114.902.452)	(5.255.423.942)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.516.363.102)	17.760.416.146
Tiền và TĐ tiền đầu năm	60 V.01	19.646.707.263	1.886.291.117
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.01	9.130.344.161	19.646.707.263

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2016



MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ cho thuê kho bãi; cho thuê cầu cảng.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Tổng doanh thu năm nay tăng hơn năm trước nhờ do khối lượng hoạt động khai thác cầu cảng tăng hơn, tuy nhiên doanh thu thuần lại giảm hơn năm trước do năm nay phát sinh khoản chiết khấu thương mại của hoạt động khai thác cầu cảng. Lợi nhuận trước thuế có giảm nhẹ so với năm trước do chi phí quản lý tăng hơn.
- Người lao động**
Số lượng lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được thành lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định của Công ty chỉ bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc với thời gian khấu hao từ 06 đến 40 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh nghiệp là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vô chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh nghiệp là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trên 12 tháng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng trong 15 năm kể từ khi doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định hiện hành trên thu nhập tính thuế từ các hoạt động khác ngoài dự án đầu tư.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên của Công ty được cấp giấy Chứng nhận đầu tư dự án. Do không tròn năm nên Công ty chọn thời gian miễn thuế trong 4 năm bắt đầu từ năm 2010 và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo là từ năm 2014.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản được trình bày ở Thuyết minh số IV.06.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Đơn vị tính: VND****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	65.370.732	137.826.098
Tiền gửi ngân hàng	364.973.429	7.168.881.165
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>8.700.000.000</u>	<u>12.340.000.000</u>
Cộng	<u>9.130.344.161</u>	<u>19.646.707.263</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	529.208.262	326.861.212
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	<u>552.325.370</u>	<u>526.000.588</u>
Cộng	<u>1.081.533.632</u>	<u>852.861.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	-	344.048.202
Các đối tượng khác	69.990.000	69.990.000
Cộng	<u>69.990.000</u>	<u>414.038.202</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi dự thu	210.467.222	49.750.361
Phải thu hoạt động khai thác cầu cảng	-	230.918.565
Cộng	<u>210.467.222</u>	<u>280.668.926</u>

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	182.788.454.067	-	182.788.454.067
Mua sắm mới	-	43.090.909	43.090.909
Số cuối năm	<u>182.788.454.067</u>	<u>43.090.909</u>	<u>182.831.544.976</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.550.112.600	-	9.550.112.600
Khấu hao trong năm	5.137.168.193	1.711.831	5.138.880.024
Số cuối năm	<u>14.687.280.793</u>	<u>1.711.831</u>	<u>14.688.992.624</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	173.238.341.467	-	173.238.341.467
Số cuối năm	<u>168.101.173.274</u>	<u>41.379.078</u>	<u>168.142.552.352</u>

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn (xem Thuyết minh số V.15 và V.18).

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình đầu tư thiết bị cần trục trên bến	18.181.818	159.290.909	-	177.472.727
Quy hoạch đất thuê làm văn phòng	14.380.909	-	-	14.380.909
Công trình san lấp tạo bãi đợt 2	-	300.423.755	-	300.423.755
Cộng	<u>32.562.727</u>	<u>459.714.664</u>	<u>-</u>	<u>492.277.391</u>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.738.517	15.492.545	(5.857.036)	12.374.026
Chi phí kiểm định cầu cảng	-	226.363.636	(110.701.121)	115.662.515
Cộng	<u>2.738.517</u>	<u>241.856.181</u>	<u>(116.558.157)</u>	<u>128.036.541</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình		-
Hàng Hải	128.067.257	
Các đối tượng khác	-	14.177.691
Cộng	<u>128.067.257</u>	<u>14.177.691</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản tiền trả trước của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	839.958.477	3.308.041.580	(3.632.225.029)	515.775.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.170.393	1.044.240.661	(1.339.426.089)	296.984.965
Thuế thu nhập cá nhân	10.274.260	669.547.572	(665.754.875)	14.066.957
Tiền thuế đất	-	387.857.222	(387.857.222)	-
Các loại thuế khác	-	11.914.629	(11.914.629)	-
Cộng	<u>1.442.403.130</u>	<u>5.421.601.664</u>	<u>(6.037.177.844)</u>	<u>826.826.950</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.13.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.641.513.218	20.838.003.346
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	243.300.000	77.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	243.300.000	77.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	<u>20.884.813.218</u>	<u>20.915.003.346</u>
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi 10%	20.884.813.218	20.915.003.346
- Thu nhập tính thuế khác theo thuế suất 22%	-	-
Thuế TNDN theo thuế suất 10%	<u>2.088.481.322</u>	<u>2.091.500.335</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 22%	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN được miễn	<u>(1.044.240.661)</u>	<u>(1.045.750.168)</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.044.240.661</u>	<u>1.045.750.167</u>

Tiền thuế đấtCông ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 12.761,5 m² đất chuyên dùng và 108.798,5 m² đất mặt nước theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 05 tháng 11 năm 2009 và 1.038,5

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

m² đất để xây dựng trụ sở làm việc theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-ĐD ngày 19 tháng 02 năm 2011.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 05 tháng 9 năm 2014 về dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000 DWT, Công ty được miễn tiền thuê đất (diện tích 12.761,5 m²), thuê mặt nước (diện tích 108.798,5 m²) trong 03 năm kể từ ngày xây dựng dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Thù lao phải trả Hội đồng quản trị.

14. Phải trả ngắn hạn khác

Cố tức phải trả cuối năm.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn (Thuyết minh số V.18).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Số đầu năm	6.800.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	10.400.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(6.800.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>10.400.000.000</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	357.255.205
Trích lập quỹ trong năm	395.845.064
Chi trong năm	<u>(552.250.003)</u>
Số cuối năm	<u>200.850.266</u>

17. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Thành.

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sơn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2009, Biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2012/BSHD ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2013/BSHD ngày 10 tháng 7 năm 2014.

Hạn mức tín dụng 76.000.000.000 VND và thời hạn vay 132 tháng.

Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo nguyên tắc lãi tiết kiệm 12 tháng trả sau áp dụng tại ngân hàng cộng với phí 3,5%/năm.

Mục đích vay: đầu tư xây dựng cầu cảng container 30.000 DWT.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu cảng container 30.000 DWT - Cảng Quy Nhơn, các tài sản hình thành gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2012/HĐ ngày 22 tháng 11 năm 2012. Tổng giá trị tài sản thế chấp tạm tính theo hợp đồng thế chấp là 205.746.668.013 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

Từ 01 năm trở xuống	10.400.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	44.790.462.397
Tổng nợ	55.190.462.397

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	55.190.462.397
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(10.400.000.000)
Số cuối năm	44.790.462.397

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	107.922.750.000	2.410.615.635	6.334.409.004	116.667.774.639
Lợi nhuận trong năm	-	-	19.792.253.179	19.792.253.179
Chia cổ tức trong năm	-	-	(6.334.409.004)	(6.334.409.004)
Số dư cuối năm trước/ Đầu năm nay	107.922.750.000	2.410.615.635	19.792.253.179	130.125.618.814
Lợi nhuận trong năm	-	-	19.597.272.557	19.597.272.557
Trích các quỹ trong năm	-	2.968.837.977	(3.364.683.041)	(395.845.064)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(16.427.570.138)	(16.427.570.138)
Số dư cuối năm nay	107.922.750.000	5.379.453.612	19.597.272.557	132.899.476.169

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức các năm trước	16.427.570.138
Cổ tức năm nay	-

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.792.275 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông	10.792.275 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	41.819.842.559	35.055.040.037
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi	11.097.203.860	9.238.970.832
- Doanh thu dịch vụ khai thác cầu cảng	30.722.638.699	25.816.069.205
Các khoản giảm trừ	(7.725.847.089)	-
- Chiết khấu thương mại	(7.725.847.089)	-
Doanh thu thuần	34.093.995.470	35.055.040.037

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong đó:		
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi	11.097.203.860	9.238.970.832
- Doanh thu dịch vụ khai thác cầu cảng	22.996.791.610	25.816.069.205
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho bãi	1.088.479.536	1.006.969.540
Giá vốn dịch vụ khai thác cầu cảng	4.642.255.107	4.552.737.399
Cộng	<u>5.730.734.643</u>	<u>5.559.706.939</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.838.377	20.963.059
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	701.187.554	359.004.525
Cộng	<u>717.025.931</u>	<u>379.967.584</u>
4. Chi phí tài chính		
Khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm.		
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.535.900.638	1.320.116.800
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	35.815.987	65.069.965
Thuế, phí và lệ phí	158.465.000	152.965.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.274.874	129.194.225
Các chi phí khác	440.773.447	231.671.600
Cộng	<u>2.324.229.946</u>	<u>1.899.017.590</u>
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.597.272.557	19.792.253.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.597.272.557	19.792.253.179
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.816</u>	<u>1.834</u>
7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.318.403	69.497.693
Chi phí nhân công	1.535.900.638	1.320.116.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.138.880.024	5.132.612.682

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.881.016	248.492.661
Chi phí khác	901.984.508	688.004.693
Cộng	<u>8.054.964.589</u>	<u>7.458.724.529</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ứng trước tiền đầu tư xây dựng cơ bản	-	369.548.202

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	528.773.000	468.747.500
Tiền thưởng	173.209.000	47.923.000
Thu nhập khác	-	52.800.000
Cộng	<u>701.982.000</u>	<u>569.470.500</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác của Công ty chỉ gồm Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (cổ đông góp vốn với tỷ lệ 16,68%).

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần khai thác cầu cảng	22.996.791.610	25.816.069.205
Tiền thuê nhà và tiền điện phải trả	193.930.263	157.194.582

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải thu và phải trả với Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho thuê bãi, khai thác cầu cảng	-	230.918.565
Cộng nợ phải thu	<u>-</u>	<u>230.918.565</u>

Phải trả tiền thuê nhà, tiền điện	-	14.177.691
Phải trả tiền nhận trước phí khai thác cầu cảng	220.686.728	-
Cộng nợ phải thu	<u>220.686.728</u>	<u>14.177.691</u>

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Chi phí lãi vay**

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	6.114.543.594	7.138.279.746
Chi phí lãi vay được vốn hóa	-	-
Tổng chi phí lãi vay	<u>6.114.543.594</u>	<u>7.138.279.746</u>

Tỷ lệ vốn hóa: 0%.

3. Thuê hoạt động**Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	494.600.720	494.600.720
Trên 01 năm đến 05 năm	1.978.402.880	1.978.402.880
Trên 05 năm	19.312.012.436	19.806.613.156
Cộng	<u>21.785.016.036</u>	<u>22.279.616.756</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Diện tích thuê đất chuyên dùng là 12.761,5 m², đất mặt nước là 108.798,5 m² và đất làm trụ sở văn phòng là 1.038,5 m² với đơn giá thuê lần lượt là 27.000 VND/m²/năm; 520 VND/m²/năm và 90.000 VND/m²/năm. Đơn giá thuê được xem xét điều chỉnh sau mỗi 05 năm.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	11.648.281.920	11.648.281.920
Trên 01 năm đến 05 năm	46.593.127.680	46.593.127.680
Trên 05 năm	9.359.099.270	21.007.381.190
Cộng	<u>67.600.508.870</u>	<u>79.248.790.790</u>

4. Thay đổi chính sách kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Việc áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty.

Bình Định, ngày 05 tháng 02 năm 2016



MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc